

Ưu đãi thuế trong Đặc khu Kinh tế Thẩm Quyển của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Nguyễn Đức Trung
Công ty TNHH TM Đức Minh

1. Chính sách ưu đãi về thuế ở Đặc khu Kinh tế Thẩm Quyển

Đây là chính sách được quy định cụ thể và rõ ràng nhất trong hệ thống các chính sách ưu đãi của ĐKKT, bởi nó có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định đầu tư vào ĐKKT của các nhà đầu tư. Theo quy định của chính phủ Trung Quốc, các doanh nghiệp hoạt động trong đặc khu phải nộp: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế bất động sản, thuế công thương nghiệp, thuế ô tô và tàu thủy. Còn đối với công nhân viên làm việc trong các doanh nghiệp này, họ phải nộp thuế thu nhập cá nhân tùy theo mức lương của mình. Tuy nhiên, không phải tất cả các loại thuế trên đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi, mà chỉ có một số loại thuế sau được áp dụng chế độ này:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được hưởng cùng một chế độ thuế dù là nó nằm trong ĐKKT hay nằm trong các khu kinh tế khác. So với các doanh nghiệp nhà nước phải chịu mức thuế thu nhập là 55%, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc chỉ phải chịu mức thuế suất 33%. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp này hoạt động trong ĐKKT thì sự ưu đãi dành cho họ là 15%. Đây là khung thuế suất được áp dụng ở Hồng Kông vào thời điểm hoạch định các chính sách tài chính cho ĐKKT. Mục tiêu của các nhà hoạch định chính sách là không làm bất lợi các nhà đầu tư vào Trung Quốc so với Hồng Kông, đồng thời vẫn đảm bảo thu ngân sách cho nhà nước.

Đối với doanh nghiệp có trên 70% sản phẩm xuất khẩu thì còn được hưởng mức thuế ưu đãi hơn nữa. Những doanh nghiệp nước ngoài sẵn có từ trước khi thành lập đặc khu được giảm thuế suất từ 33% xuống còn 24%, riêng các doanh nghiệp có áp dụng công nghệ cao được hưởng thuế suất 15%.

- Thời hạn miễn - giảm thuế: Các doanh nghiệp tại các ĐKKT được hưởng những ưu đãi về thuế mà các doanh nghiệp ở các vùng khác không được hưởng. Trước khi ban hành luật thuế đầu tư nước ngoài mới vào tháng 4/1991, kỳ miễn giảm thuế của các xí nghiệp liên doanh nước ngoài được hưởng là 5 năm, với các xí nghiệp 100% vốn nước ngoài là 3 năm. Với các xí nghiệp tại các ĐKKT có thời hạn kinh doanh từ 10 năm trở lên, được áp dụng thời hạn miễn thuế chung là 5

năm theo công thức “2 cộng 3”, tức là được miễn thuế 2 năm đầu kể từ khi bắt đầu có lãi và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành dịch vụ, thương nghiệp thì kỳ miễn giảm thuế là 3 năm theo công thức “1 cộng 2”. Trong các ngành đặc biệt khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp được miễn thuế 5 năm và giảm 50% thuế cho 5 năm tiếp theo. Tuy nhiên, sau khi ban hành Luật thuế đầu tư nước ngoài mới, thời hạn miễn giảm thuế không còn là một ưu đãi của đặc khu cho các xí nghiệp 100% vốn nước ngoài nữa.

- Hoàn thuế: Các nhà đầu tư nước ngoài nếu được các cơ quan thuế xác nhận đã sử dụng lợi nhuận thu được để tái đầu tư vào Trung Quốc với thời hạn hoạt động trên 5 năm sẽ được hoàn lại 40% thuế thu nhập đã nộp cho khoản tái đầu tư đó, và nếu khoản tái đầu tư này dùng để thành lập xí nghiệp mới hoặc mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu của xí nghiệp cũ hoặc thành lập các xí nghiệp có kỹ thuật tiên tiến với thời hạn hoạt động trên 5 năm thì có thể được xem xét để hoàn lại toàn bộ số thuế thu nhập đã nộp cho các khoản tái đầu tư.

- Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở các vùng khác ngoài ĐKKT phải chịu mức thuế suất 10%, còn đối với các doanh nghiệp trong đặc khu được miễn hoàn toàn khoản thuế này.

- Các khoản thu nhập khác: như lợi nhuận được chia, lãi suất, tiền thuê hay bản quyền nhận được của các doanh nghiệp nước ngoài trong ĐKKT, mà những doanh nghiệp này không có cơ sở kinh doanh tại Trung Quốc thì chỉ chịu thuế suất 10% thay vì chịu mức 20% so với các khoản thu tương tự từ các vùng khác trong nước.

- Kỳ chuyển lỗ: Các doanh nghiệp được phép chuyển lỗ kinh doanh năm trước để trừ vào lợi nhuận của 5 năm tiếp theo trước khi tính vào thuế thu nhập.

- Thuế xuất nhập khẩu: Chính sách thuế xuất nhập khẩu áp dụng cho các doanh nghiệp trong đặc khu thay đổi theo thời gian, được điều chỉnh cùng với những biến động của tình hình đầu tư. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không phải nộp thuế xuất nhập khẩu đối với thiết bị sản xuất, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, linh kiện hoặc vật dụng khác cho nhu

cầu của bản thân xí nghiệp. Với nguyên liệu, bán thành phẩm được nhập khẩu để gia công cho nước ngoài thì không thu thuế nhập khẩu. Trong thời gian 1995-1997, Trung Quốc không miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, linh kiện và nguyên vật liệu. Nhưng từ đầu năm 1998, do đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm nên chính sách miễn thuế nhập khẩu lại được thực hiện.

- Thuế gián thu: Các doanh nghiệp trong đặc khu cung cấp, trao đổi sản phẩm cho nhau hoặc bán cho người tiêu dùng trong đặc khu đều không phải nộp thuế gián thu. Nếu bán ra ngoài đặc khu thì phải vẫn phải nộp thuế. Cùng với các chính sách thuế chung áp dụng cho tất cả các đặc khu, mỗi đặc khu đều có những quy tắc thuế đặc biệt riêng để vừa có thể tận thu, vừa có thể khuyến khích được các nhà đầu tư. Chẳng hạn như ở đặc khu Sán Đầu, đây là quê hương của rất nhiều người Hoa ở Hồng Kông, Ma Cao. Chính quyền nơi đây đã có biện pháp thuế đặc biệt dành cho các nhà đầu tư Hoa kiều. Quy định này cho phép các nhà đầu tư Hoa kiều được hưởng thời gian miễn thuế là 3 năm và thời gian giảm thuế là 4 năm với mức giảm 50%. Sau 7 năm miễn giảm thuế, các nhà đầu tư Hoa kiều còn có thể được giảm tiếp 20% so với mức thuế thông thường. Mức hoàn thuế cho các khoản tái đầu tư của Hoa kiều cũng cao hơn quy định chung (50% so với 40%).

2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Dưới đây là một số kiến nghị đối với Nhà nước, địa phương và các doanh nghiệp trong việc áp dụng mô hình ĐKKT ở Việt Nam:

2.1. Đối với Nhà nước:

Việc ra đời một mô hình kinh tế mới theo kiểu ĐKKT cần được nghiên cứu, chuẩn bị chu đáo về nhiều mặt. Do đó, cần thiết phải có một cơ quan chuyên môn làm đầu mối để phối hợp với các Bộ, ngành trong việc nghiên cứu, đề xuất những vấn đề liên quan.

Hiện nay, chính phủ đã có cơ quan chuyên môn theo dõi, quản lý các KCN, KCX, Khu công nghệ cao. Đây là một thuận lợi rất lớn cho sự hình thành một cơ quan chuyên quản lý các vấn đề về đặc khu. Nhà nước có thể xem xét việc thành lập riêng một bộ phận chuyên trách trên cơ sở tách từ các cơ quan quản lý KCN, KCX, hoặc cũng có thể bố trí sắp xếp để các cơ quan này phụ trách luôn các công việc của đặc khu trong thời gian đầu nghiên cứu thành lập.

Lựa chọn địa điểm xây dựng phù hợp trên cơ sở xác định rõ thực trạng kinh tế và điều kiện tự nhiên từng vùng lãnh thổ.

Thực tế xây dựng các ĐKKT ở Trung Quốc cho thấy vai trò của việc lựa chọn vị trí là vô cùng quan trọng, đóng góp một phần lớn vào sự thành công của các đặc khu. Các ĐKKT của Trung Quốc đều được xây

dựng tại các khu vực có điều kiện địa lý thuận lợi, có cả đường sông và đường biển, giao thông thông suốt, và đặc biệt, các khu vực này đều có mối quan hệ mật thiết với các trung tâm kinh tế, tài chính của khu vực như Hồng Kông, Ma Cao thông qua một số lượng đông đảo Hoa kiều. Chính những mối quan hệ này đã trở thành chiếc cầu nối quan trọng, đưa các ĐKKT nhanh chóng hoà nhập với nền kinh tế sôi động của khu vực và thế giới.

Xây dựng hành lang pháp lý thống nhất và ban hành hệ thống những chính sách ưu đãi để tạo một môi trường đầu tư hấp dẫn và hiệu quả.

Ở Việt Nam, chính phủ nước ta đã ban hành một số Nghị định nhằm khuyến khích và đảm bảo hoạt động đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam với những quy định thông thoáng hơn, ưu đãi nhiều hơn cho các doanh nghiệp nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho quá trình đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Hiện nay, luật áp dụng trong các KCN, KCX chủ yếu được xây dựng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật đầu tư nước ngoài, Luật đất đai. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật này còn chưa đồng bộ, quan trọng hơn là giữa ý tưởng của pháp luật và thực hiện trong thực tế còn có khoảng cách. Trên thực tế, có nơi cán bộ thực thi nhiệm vụ đã làm méo mó quy định của pháp luật, gây phiền hà, nhúng nhĩnh, làm nản lòng các nhà đầu tư, thu hẹp cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp.

2.2. Đối với các địa phương:

- Chuẩn bị lực lượng lao động địa phương có tay nghề cao.

Một trong những vai trò của ĐKKT là tạo công ăn việc làm cho người lao động, giải quyết tốt vấn đề thất nghiệp ở địa phương. Trong các ĐKKT của Trung Quốc, ngoài lao động địa phương, còn có một số lượng không nhỏ là người lao động đến từ các tỉnh khác. Lực lượng lao động này hầu hết là lao động phổ thông, nhưng họ có trình độ chuyên môn vững vàng, biết sử dụng máy móc công nghệ tiên tiến. Đó là nhờ vào nhận thức đúng đắn của chính quyền các đặc khu về vai trò của nguồn nhân lực, từ đó có chiến lược đào tạo nhân lực có tay nghề cao.

- Trong quá trình xúc tiến quy hoạch những khu vực được chọn để xây dựng ĐKKT, các địa phương cần làm tốt vấn đề giải phóng mặt bằng.

Mô hình ĐKKT ở Trung Quốc đã cho thấy rằng những làng chài ven biển - nơi xây dựng đặc khu, là những vùng hoang sơ, chưa phát triển, đất rộng, người thưa, do vậy việc giải phóng mặt bằng rất đơn giản, không mất nhiều thời gian. Còn thực tế xây dựng các KCN, KCX ở Việt Nam lại ngược lại. Công tác quy hoạch luôn gặp khó khăn, việc đền bù giải phóng mặt bằng luôn trở thành vấn đề nổi cộm, làm chậm quá trình xúc tiến những công việc tiếp theo, gây phiền hà

cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thành lập doanh nghiệp. Ví dụ như KCN Đà Tư được cấp giấy phép từ tháng 8 năm 1995, sau hơn hai năm, đến tháng 11 năm 1997 mới được giao đất; hay như các KCN Tân Bình, Vinh Lộc ở thành phố Hồ Chí Minh đều gặp trở ngại trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng.

- Xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi thu hút đầu tư cho địa phương mình.

Trong cơ cấu tổ chức hành chính tập trung như ở Việt Nam hiện nay, việc chính quyền địa phương xây dựng chính sách khuyến khích thu hút đầu tư cho riêng mình là điều không đơn giản. Hầu hết các vấn đề khó khăn vướng mắc đều nằm ở các lĩnh vực đất đai, thuế má, tài chính..., mà những vấn đề này lại lệ thuộc vào chính sách chung của Trung ương hoặc phải thực hiện theo luật chung của cả nước. Về nguyên tắc, các giải pháp "nằm trong tầm tay" của chính quyền địa phương chỉ còn là các biện pháp "phi tài chính" như cải cách thủ tục hành chính, tư vấn, cung cấp thông tin,... Tuy vậy, bằng sự nỗ lực và khéo léo của mình, nhiều địa phương đã xây dựng được những biện pháp thích ứng, vừa phù hợp với quy định của pháp luật, vừa tạo ra sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư hơn là những địa phương khác. Đây là một thuận lợi rất lớn cần được phát huy nhằm thu hút nhiều vốn, công nghệ và kỹ thuật cho tỉnh khi ĐKKT được xây dựng.

- Quan tâm nghiên cứu vấn đề môi trường cho những vùng được quy hoạch xây dựng ĐKKT.

Quá trình CNH - HĐH đã làm cho nền kinh tế nước ta có những bước phát triển vượt bậc. Song những hậu quả mà nó để lại cũng hết sức nặng nề. Sự ra đời của các KCN, KCX đánh dấu bước phát triển mới của nền công nghiệp non trẻ của nước ta. Song hiện nay, ô nhiễm môi trường do công nghiệp gây ra đang là mối lo không chỉ của riêng các cấp lãnh đạo Nhà nước mà nó đã trở thành vấn đề cần được chính các địa phương giải quyết.

2.3. Đối với các doanh nghiệp:

Bên cạnh những nỗ lực của Nhà nước và chính quyền địa phương, để góp phần vào việc hình thành nên những ĐKKT mang màu sắc Việt Nam, cần có sự đóng góp không nhỏ của các doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp cần chú trọng công tác giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ thuật tay nghề cho đội ngũ công nhân.

Hiện nay, mặt bằng chung về trình độ trong các doanh nghiệp Việt Nam còn ở mức trung bình, chưa có gì vượt trội so với các nước trong khu vực.

Thực tiễn hoạt động ở các ĐKKT của Trung Quốc cho thấy rằng, hầu hết các nhà đầu tư trong đặc khu đều đến từ các nước tư bản phát triển, nơi mà trình độ quản lý và trình độ chuyên môn đã đạt đến mức xuất

sắc. Với lợi thế của người đi sau, tiếp thu những kinh nghiệm và tinh hoa của những nước đi trước, chúng ta nhìn nhận được tầm quan trọng của vấn đề "trình độ". Khoảng cách về trình độ giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư tại Việt Nam cũng đã đặt ra cho các doanh nghiệp bài toán tự nỗ lực rút ngắn khoảng cách chênh lệch này. Không có gì khác hơn là mỗi doanh nghiệp ngoài vấn đề tập trung kinh doanh, phải có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên của mình. Đây đã trở thành vấn đề nóng cần được các doanh nghiệp giải quyết ngay càng sớm càng tốt chứ không thể trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước hay địa phương. Sự ra đời của ĐKKT sẽ được sự phê chuẩn đồng ý của Trung ương, được sự giúp đỡ của tỉnh, thành phố, nhưng những tế bào của ĐKKT lại chính là các doanh nghiệp. Cho dù khoảng cách về trình độ có xa đến mấy thì doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài sẽ cùng tồn tại trong một môi trường, cùng kinh doanh và cùng cạnh tranh một cách bình đẳng.

- Các doanh nghiệp cần năng động, sáng tạo trong việc tìm kiếm phương thức kinh doanh mới, nâng cao uy tín, quảng bá thương hiệu của mình.

Trước sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế mở cửa hiện nay, doanh nghiệp nào thực sự năng động mới mong tồn tại được lâu dài. Một xu thế tiêu cực trong những năm gần đây là, một số doanh nghiệp Nhà nước do không thích ứng được với phương thức làm ăn mới nên bị thua lỗ dẫn đến phá sản, hàng loạt doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn tự thành lập nên rồi cũng phải đóng cửa sau một thời gian ngắn. Tất cả những hiện tượng đó là do bản thân các doanh nghiệp này không chịu động não suy nghĩ để tìm cho mình một hướng đi riêng, họ chỉ biết rập khuôn theo những gì đã có sẵn. Chính vì vậy, kết quả tất yếu là họ sẽ bị đào thải khỏi thương trường.

Bên cạnh tình trạng đáng buồn trên, không ít doanh nghiệp của chúng ta đã biết tìm tòi những phương pháp làm ăn kinh doanh mới, nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, sản phẩm đầu ra lại xuất khẩu ra nước ngoài, thu lợi cho ngân sách Nhà nước nguồn ngoại tệ đáng kể./.